

Biểu mẫu 10

Sở Giáo Dục và Đào Tạo TPHCM
Trường THPT Trung Phú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

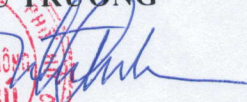
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông năm học
2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1963	749	635	579	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1929 98.27 %	733 97.86 %	618 97.32 %	578 99.83 %	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	32 1.63 %	16 2.14 %	15 2.36 %	1 0.17 %	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.1 %	0	2 0.31 %	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1963	749	635	579	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	978 49.82 %	301 40.19 %	323 50.87 %	354 61.14 %	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	696 35.46 %	292 38.99 %	210 33.07 %	194 33.51 %	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	270 13.75 %	143 19.09 %	96 15.12 %	31 5.35 %	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	17 0.87 %	13 1.74 %	4 0.63 %	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1963	749	635	579	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1952 99.44 %	741 98.93 %	632 99.53 %	579 100 %	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	978 49.82 %	301 40.19 %	323 50.87 %	354 61.14 %	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	696 35.46 %	292 38.99 %	210 33.07 %	194 33.51 %	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	17 0.87 %	13 1.74 %	4 0.63 %		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.2 %	2 0.27 %	2 0.31 %	0	
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	14 0.71 %	0	12 1.89 %	2 0.35	
	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	12 0.61 %	4 0.53 %	6 0.94 %	2 0.35	



5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.41 %	2 0.27	3 0.47	3 0.52	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	46	0	0	46	
1	Cấp tỉnh/thành phố (kể cả thi Olympic tháng tư)	46	0	0	46	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	575	0	0	575	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	575	0	0	575	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	797/1166	322/427	245/390	230/349	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	36	15	12	9	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Lê Đức Chinh

